

Số: 01/2022/BC/BKS-DLVN

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022)

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam, Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 gồm 3 nội dung như sau:

1. Tình hình hoạt động của ban kiểm soát năm 2021.
2. Kết quả giám sát các mặt hoạt động năm 2021.
3. Kế hoạch công tác năm 2022 của Ban kiểm soát.

PHẦN I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2021, đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng Giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro; thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với Ban lãnh đạo, ban điều hành Công ty và các đơn vị;

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành;

Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (Quý, 6 tháng và một năm) của Công ty, xem xét các chỉ số, tỷ trọng.

Tham gia rà soát kiểm tra một số công tác thanh kiểm tra các hoạt động tại nhà máy Phú Thọ, kiểm tra giám sát công tác phát triển dự án vùng trồng nguyên vật liệu.

Tham gia soát xét hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và hồ sơ niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán HNX của công ty.

Tham gia công tác quyết toán các tài sản do Công ty thuê xây dựng, lắp đặt cùng ban điều hành và các phòng ban trong công ty.

PHẦN II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2021.

I. Công tác quản lý, điều hành của Công ty.

1. Hội đồng quản trị

- Các hoạt động của HĐQT năm 2021 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác giám sát các hoạt động của ban Tổng giám đốc, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng nghị quyết của Hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các nghị quyết, quyết định kịp thời trên cơ sở tình hình thực tế của Công ty nhằm đưa công ty phát triển đúng định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Trong năm 2021 hội đồng quản trị đã tiến hành họp 13 cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%, Hội đồng quản trị đã ban hành 17 nghị quyết, quyết định chủ yếu là các vấn đề quan trọng phục vụ kịp thời công tác dẫn xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và công tác tài chính.

- Chỉ đạo ban điều hành rà soát, đánh giá lại nguồn nhân lực của Công ty, thực hiện công tác định biên và giảm biên trong toàn Công ty

- Thực hiện cơ chế quản trị, xiết chặt kỷ luật, làm việc tập trung tại văn phòng Công ty, tạo sự liên kết và hiệu quả trong công việc giữa các phòng ban với nhà máy, các đơn vị bán hàng, địa điểm kinh doanh... trong hệ thống.

- Chỉ đạo ban điều hành xây dựng và ban hành Quy chế trả lương phù hợp nhằm đẩy cao năng lực làm việc, thúc đẩy doanh thu, thu hút và duy trì nguồn nhân lực của Công ty

- Trong năm 2021, Công ty đã không hoàn thành một số chỉ tiêu đề ra tại đại hội cổ đông

+ Dự án “trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ” – 50ha

+ Lộ trình chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2. Ban điều hành Công ty:

Hoạt động của Công ty được Ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty:

+ Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực, có nhiều cố gắng để hoàn thành các nhiệm vụ, đã có các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, bám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các biến đổi của thị trường cũng như nền kinh tế chung để có những giải pháp thích hợp;

+ Tập trung nguồn lực tối đa để thực hiện các dự án do HĐQT Công ty đã phê duyệt như:

✓ Dự án dây truyền sản xuất thuốc ung thư: đang đầu tư hoàn thiện nhà xưởng để thẩm định GMP vào cuối năm 2022 đầu năm 2023.

✓ Dự án dây truyền sản xuất nang mềm và thuốc nước: đã đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2021.

✓ Dự án dây chuyền sản xuất viên đặt phụ khoa và trĩ: đang dần đi vào hoạt động.

✓ Dự án trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ: đang giai đoạn đầu của dự án.

+ Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc SXKD tại nhà máy cũng như bộ máy kinh doanh, hoạt động tài chính kế toán của Công ty;

+ Hoạt động của Ban điều hành Công ty trong năm 2021 đã hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra với doanh thu năm 2021 là: 1.048,9 tỷ đồng tăng trưởng hơn 124,47% so với cùng kỳ năm 2020; lợi nhuận sau thuế 50,1 tỷ đồng tăng trưởng hơn 232,96% so với cùng kỳ 2020.

II. Tình hình hoạt động SXKD và tài chính năm 2021

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về các công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng Công ty cung cấp được Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán, kiểm tra chấp thuận toàn phần, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét đánh giá sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đồng thời phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

1/ Tình hình tài chính của Công ty năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		707.902.561.906	620.442.543.726
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	89.871.170.714	24.308.042.720
1.	Tiền	111		25.379.401.385	9.308.042.720
2.	Các khoản tương đương tiền	112		64.491.769.329	15.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		356.587.500.075	379.676.599.301
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	263.287.134.578	261.295.754.990
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	59.403.182.769	91.478.824.651
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	33.897.182.728	26.902.019.660
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	250.558.953.840	211.260.498.568
1.	Hàng tồn kho	141		250.558.953.840	211.260.498.568
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		10.884.937.277	5.197.403.137
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	321.745.552	159.064.572
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.563.191.725	5.037.125.553
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	1.213.012
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325.040.338.021	200.412.702.232

I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.601.084.875	27.973.785.954
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	10.601.084.875	27.973.785.954
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		258.200.660.312	111.956.412.637
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	167.573.186.923	46.293.511.538
	- Nguyên giá	222		190.718.141.697	62.847.897.484
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.144.954.774)	(16.554.385.946)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	34.146.360.860	24.360.468.570
	- Nguyên giá	225		44.193.531.419	31.131.440.795
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(10.047.170.559)	(6.770.972.225)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	56.481.112.529	41.302.432.529
	- Nguyên giá	228		56.481.112.529	41.302.432.529
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	51.821.390.058	55.773.192.069
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.821.390.058	55.773.192.069
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.417.202.776	4.709.311.572
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.417.202.776	4.709.311.572
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.032.942.899.927	820.855.245.958

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		592.320.551.101	609.297.607.334
I.	Nợ ngắn hạn	310		450.567.621.849	475.112.586.475
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54.764.030.816	106.668.872.833
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	738.062.282	877.091.845
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.357.118.125	5.303.577.237
4.	Phải trả người lao động	314		4.896.890.774	2.933.459.015
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.531.389.613	3.402.806.258
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	18.121.212	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	508.558.459	7.828.968.902
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	383.677.269.009	348.097.810.385
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.076.181.559	-

II.	Nợ dài hạn	330		141.752.929.252	134.185.020.859
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	7.716.936.232
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.603.315.300	3.880.486.200
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	140.149.613.952	122.587.598.427
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		440.622.348.826	211.557.638.624
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	440.622.348.826	211.557.638.624
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	150.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270.000.000.000	150.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		90.000.000.000	30.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.152.363.118	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.469.985.708	31.557.638.624
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.329.093.947	10.034.007.441
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		50.140.891.761	21.523.631.183
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.032.942.899.927	820.855.245.958

2. Kết quả SXKD năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.051.439.125.647	843.113.437.316
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.519.420.060	397.211.351
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.048.919.705.587	842.716.225.965
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	926.331.284.564	752.662.507.896
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.588.421.023	90.053.718.069
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.465.269.729	1.427.868.322
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	32.701.744.125	29.069.724.924
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.767.767.537	28.777.376.355
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	16.415.334.625	11.249.796.681
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	22.710.744.974	25.063.347.434
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.225.867.028	26.098.717.352
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	3.612.953.410	60.658.415
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.391.946.855	1.820.978.317

13.	Lợi nhuận khác	40		2.221.006.555	(1.760.319.902)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.446.873.583	24.338.397.450
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.305.981.822	2.814.766.267
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		50.140.891.761	21.523.631.183
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.279	1.538
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.279	1.538

(Nguồn : Trích BCTC đã kiểm toán năm 2021)

Như vậy, năm 2021 chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã có những bước phát triển vượt bậc với năm 2020 và các năm trước đó; ban kiểm soát đánh giá như sau:

1/ Nguyên nhân khách quan:

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo dài khiến hoạt động SXKD bị ngừng trệ do khó khăn do việc di chuyển và thiếu hụt tạm thời của nguồn cung cấp nguyên vật liệu; nhưng các doanh nghiệp ngành dược nói chung, Vietmec nói riêng cũng bị ảnh hưởng nhưng mức độ ảnh hưởng không nặng nề như các lĩnh vực khác của nền kinh tế; và VIETMEC nhờ có nguồn hàng, nguồn nguyên liệu dự trữ lớn, nguồn nhân lực dồi dào nên duy trì, đáp ứng và phát triển tốt trong đại dịch.

Sự chỉ đạo sát sao của Chính Phủ và các cấp chính quyền địa phương nhằm khắc phục sự lây lan của dịch bệnh và phục hồi sự phát triển của nền kinh tế cũng làm giảm đáng kể sự ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

2/ Nguyên nhân chủ quan:

Trong năm 2021, Công ty tập trung chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất, triển khai tốt việc tổ chức sản xuất tại nhà máy một cách hiệu quả, hợp lý, tập trung tiêu thụ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao. Kết quả kinh doanh 2021 bước đầu khẳng định mục tiêu đề ra và các dự án do Công ty triển khai đã đúng hướng mặc dù đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả nền kinh tế quốc dân và vẫn đang có diễn biến hết sức phức tạp. Tuy nhiên trong tình hình khó khăn đó, bằng sự nỗ lực, quyết tâm và bản lĩnh vững vàng của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và toàn thể người lao động, Vietmec đã hoàn thành tốt mục tiêu SXKD năm 2021 và tạo nền tảng phát triển cho các năm tiếp theo;

III. Thù lao BKS năm 2021

Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, Ban kiểm soát công ty thống nhất không nhận thù lao năm 2021 như kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát

1. Từ những đánh giá và kiến nghị về kết quả hoạt động nêu trên, Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Báo cáo của HĐQT và Ban điều hành Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã trình Đại hội.

2. Kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty

Trên cơ sở các vấn đề trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để thực hiện công bố IPO, niêm yết cổ phiếu công ty lên sàn HNX
- ✓ Sửa đổi hoàn thiện và bổ sung các quy chế, quy định của công ty phù hợp, thích ứng với quy trình quản lý và yêu cầu của công ty đại chúng.
- ✓ Tiếp tục cơ cấu tái cấu trúc công ty theo yêu cầu SXKD theo hướng gọn nhẹ, giảm đầu mỗi trung gian nhằm tiết kiệm nhân lực và thời gian chỉ đạo, báo cáo, thực hiện nhiệm vụ.
- ✓ Khẩn trương thực hiện các dự án để triển khai và chuẩn bị triển khai và chuẩn bị triển khai có hiệu quả, ưu tiên các dự án đã cấp phép và mang lại hiệu quả cao.
- ✓ Bổ sung thành viên ban kiểm soát theo quy định do trưởng ban kiểm soát xin từ nhiệm.

PHẦN III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tham gia soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2022 cùng với Kiểm toán độc lập,
2. Kiểm tra các hoạt động đầu tư, xây dựng, thực hiện các dự án của Công ty.
3. Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:
 - Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
 - Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
 - Sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông.
 - Chấp hành đúng điều lệ của Công ty, luật chứng khoán, luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành
4. Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm cùng với việc kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, công tác khác.

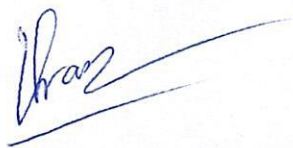
Trên đây là những nội dung cơ bản của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Ban kiểm soát xin kính trình đại hội.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN



NHỮ THỊ THU TRANG